

Số: 1648608

|                                            | Kia Carnival 2.2D Luxury (7 chỗ) | Peugeot 408 GT         |
|--------------------------------------------|----------------------------------|------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>1.189.000.000đ</b>            | <b>1.269.000.000đ</b>  |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                  |                        |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 5155 x 1995 x 1775               | 4687 x 1850 x 1510     |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 3090                             | 2787                   |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5800                             |                        |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 172                              | 189                    |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 2070                             | 1500                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 2790                             | 1950                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 1139 - 4110                      | 536                    |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 72                               | 52                     |
| Số chỗ ngồi                                | 7                                | 5                      |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước                 | SX-LR trong nước       |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                  |                        |
| Loại động cơ                               | Smartstream D2.2                 | 1,6T PureTech          |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 2151                             | 1598                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 199 / 3800                       | 218 / 5500             |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 440 / 1750-2750                  | 300 / 2000             |
| Hộp số                                     | 8AT                              | 8AT                    |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                  | Cầu trước (FWD)        |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson                       | Độc lập Mc Pherson     |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm                 | Bán Độc Lập            |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                              | Đĩa                    |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                              | Đĩa                    |
| Thông số lốp xe                            | 235/55 R19                       | 245/40 R20             |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 7.8                              | 10.09                  |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.7                              | 6.64                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.5                              | 7.93                   |
| Chế độ lái                                 | Normal/Eco/Sport/Smart           | Eco/Normal/Sport       |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                  |                        |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector                    | Matrix LED             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                                | ●                      |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                                | ●                      |
| Cụm đèn sau                                | Halogen                          | Nhận diện phiên bản GT |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                | ●                      |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                  |                        |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                | ● (Phong cách GT)      |
| Chất liệu ghế                              | Da                               | Da Nappa               |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                                | ●                      |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                                | -                      |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                                | ●                      |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin              | 4.2                              | Digital 10             |
| Màn hình giải trí trung tâm                | 12.3                             | Digital 10             |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto         | ●                                | ●                      |
| Hệ thống điều hòa tự động                  | ●                                | ●                      |
| Số vùng khí hậu điều hòa                   | 3                                | 2                      |

|                            |       |              |
|----------------------------|-------|--------------|
| Cửa gió cho hàng ghế sau   | ●     | ●            |
| Chìa khóa thông minh       | ●     | ●            |
| Khởi động nút bấm          | ●     | ●            |
| Khởi động từ xa            | ●     | -            |
| Hệ thống âm thanh          | 6 loa | 10 loa Focal |
| Phanh đỗ điện tử           | ●     | ●            |
| Giữ phanh tự động Autohold | ●     | -            |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ●     | ●            |

#### AN TOÀN:

|                                         |     |             |
|-----------------------------------------|-----|-------------|
| Số túi khí                              | 7   | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●   | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●   | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●   | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●   | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●   | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa         | ●   |             |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Sau | Trước & sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●   | ●           |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●   | ●           |
| Camera lùi                              | ●   | ● (360)     |